TÒA ÁN NHA DA
HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01/02/2024
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DA HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhA dA: Bà Nguyễn Thị Phương Lan và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhA dA huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 01/02/2024 tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2023 về việc "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị An Thị Thu H sinh năm 1992; nơi cư trú xóm Bến, xã K, huyện M, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Đinh Văn D sinh năm 1987; địa chỉ phố Trung LA, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND thị trấn Y ngày 04/01/2018. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ tháng 01/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhA là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên sích mích cãi nhau, mâu thẫn kéo dài ngày càng trầm trọng; từ tháng 7/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thA, không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị H xin được ly hôn với anh D. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Đinh Thiên A sinh ngày 28/8/2018 và cháu Đinh An N sinh ngày 01/5/2020; chị H đề nghị giao cháu A cho anh D nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai bị đơn là anh D trình bày: Anh D và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND thị trấn Y ngày 04/01/2018; từ tháng 3/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể chấp nhận được, nguyên nhA tính tình không còn hợp nhau nữa và vợ chồng không tin tưởng nhau trong lĩnh vực tình cảm; từ ngày 08/10/2023 vợ chồng sống ly thA nhau và tình cảm vợ chồng không hạn gắn và vợ chồng không chung sống với nhau được nữa, anh D đồng ý ly hôn nhưng đề 15/02/2024 hoà giải và Toà có phán quyết ly hôn của vợ chồng. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Đinh Thiên A sinh ngày 28/8/2018 và cháu Đinh An N sinh ngày 01/5/2020; nguyện vọng của anh D là nuôi cả hai cháu cho tới khi các cháu trưởng thành 18 tuổi, nếu không được thì anh D nuôi cháu A, còn chị H nuôi cháu N. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phA công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn trong vụ án chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhA và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dA sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

- Cho chị H được ly hôn với anh D.

- Giao cháu A cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dA sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện xin ly hôn D, việc khởi kiện của chị H được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dA sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh D cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dA sự, Tòa án nhA dA huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh D vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dA sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

Về hôn nhA: Chị H và anh D tự nguyện kết hôn với nhau, đã được UBND thị trấn Y đăng ký kết hôn ngày 04/01/2018, tại thời điểm kết hôn chị H và anh D đã đủ điều

kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhA và gia đình; do vậy hôn nhA giữa chị H và anh D là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị H và anh D đều khai từ tháng 3/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; từ tháng 10/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thA, không còn quan tâm gì đến nhau và anh D cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh D trong thời gian qua đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quý trọng nhau, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau; việc chị H và anh D sống ly thA nhau đã thể hiện rõ là hôn nhA giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhA không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhA và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh D ly hôn.

[3] Về nuôi con:

Chị H và anh D có 02 con là cháu cháu Đinh Thiên A sinh ngày 28/8/2018 và cháu Đinh An N sinh ngày 01/5/2020.

Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn vừa là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Tại phiên toà chị H khai đề nghị Toà án giao cháu A cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; trong bản tự khai của mình anh D có đề nghị được nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu trường thành đủ 18 tuổi, nếu không được thì anh D cháu A còn chị H nuôi cháu N. Nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu A cho anh D nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, do chị H và anh D mỗi người đều nuôi 01 cháu và đều không yêu cầu hai bên phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; nên Tòa án không buộc H và anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản: Chị H và anh D cùng trình bày vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dA sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dA sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhA và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dA sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Cho chị An Thị Thu H ly hôn anh Đinh Văn D.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị An Thị Thu H; giao cháu Đinh Thiên A sinh ngày 28/8/2018 cho anh D nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, giao cháu Đinh An N sinh ngày 01/5/2020 cho chị H nuôi dưỡng cho đến

khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị H và anh D có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu N; chị H không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc cháu N.

Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu A được sống chung với anh D và chị H có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu A; anh D không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc cháu A.

2.3. Về án phí dA sự sơ thẩm: Buộc chị An Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiến tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0001558 ngày 30/10/2023 của Chị cục Thi hành án dA sự huyện Y, chị H đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND thị trấn Y
- Các đương sự
- Lưu hồ s

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực